

KẾ HOẠCH
Hoạt động Tiêm chủng mở rộng tỉnh Đắk Lắk, năm 2020

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020;
- Thông tư 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định Quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020;
- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;
- Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;
- Thông tư số 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ Y tế về ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc;
- Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện công tác tiêm chủng;
- Quyết định số 5553/QĐ-BYT ngày 25/11/2019 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch sử dụng vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế tại 24 tỉnh/thành phố năm 2020;
- Công văn số 1744/VSDTTU-TCGG ngày 31/10/2019 của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương về việc dự kiến mục tiêu/chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng năm 2020;
- Quyết định số 233/QĐ-BYT ngày 30/01/2020 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 của Dự án 2 – Tiêm chủng mở rộng thuộc chương trình mục tiêu y tế dân số.
- Tình hình và kết quả hoạt động Dự án Tiêm chủng mở rộng năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Duy trì và nâng cao chất lượng và tỷ lệ tiêm chủng các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, không chế hiệu quả các bệnh truyền nhiễm có vắc xin bảo vệ ở trẻ em; bảo vệ thành quả thanh toán bệnh bại liệt, duy trì loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh trên địa bàn tỉnh. Đạt các chỉ tiêu: tiêm chủng đầy đủ (TCĐĐ) 8 loại vắc xin (Lao, Bạch hầu, Ho gà, Uốn ván, Bại liệt, Sởi, Viêm gan B, Viêm màng não mủ do Hib) cho trẻ dưới 1 tuổi; tiêm vắc xin Bạch hầu - Uốn ván (Td) cho trẻ 7 tuổi; tiêm vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế tại các cơ sở y tế.

2. Các chỉ tiêu cụ thể:

a) Không có trường hợp mắc bệnh bại liệt hoang dại.

b) 100% huyện đạt tiêu chuẩn loại trừ uồng ván sơ sinh (UVSS) (Số ca mắc UVSS dưới 1/1.000 trẻ đẻ sống trên qui mô huyện)

c) Các chỉ tiêu cụ thể:

| STT | Nội dung | Chỉ tiêu |
|-----|--|----------|
| 1. | Tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi | > 95%. |
| 2. | Tiêm chủng vắc xin viêm gan B liều sơ sinh | > 80% |
| 3. | Tiêm chủng vắc xin bạch hầu-ho gà-uồng ván (DPT) cho trẻ 18 tháng tuổi | > 80%. |
| 4. | Tiêm chủng vắc xin Sởi - Rubella (MR) cho trẻ 18 tháng tuổi | > 90%. |
| 5. | Tiêm chủng đủ mũi vắc xin viêm não Nhật Bản B | > 90%. |
| 6. | Tiêm chủng vắc xin bại liệt (IPV) | > 90%. |
| 7. | Tiêm chủng vắc xin uồng ván cho phụ nữ có thai (UV2+/PNCT) | > 85%. |
| 8. | Tiêm chủng vắc xin Bạch hầu - Uồng ván (Td) cho trẻ 7 tuổi | >90%. |
| 9. | Uồng vắc xin Bại liệt (bOPV) cho trẻ < 5 tuổi vùng nguy cơ cao | > 95%. |
| 10. | Tiêm vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế | > 90%. |

d) Tỷ lệ mắc các bệnh trong tiêm chủng

| STT | Nội dung | Chỉ tiêu |
|-----|-------------------------|--------------------|
| 1. | Tỷ lệ mắc bệnh bạch hầu | < 0,02/100.000 dân |
| 2. | Tỷ lệ mắc ho gà | < 1/100.000 dân |
| 3. | Tỷ lệ mắc sởi | < 5/100.000 dân. |

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tổ chức, chỉ đạo:

- Xã hội hóa công tác tiêm chủng mở rộng, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp. Tăng cường trách nhiệm của UBND các cấp trong công tác tiêm chủng. Đưa các chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng vào Nghị quyết phát triển kinh tế, xã hội của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

- Đẩy mạnh sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể với các hoạt động nâng cao tỷ lệ tiêm chủng, vận động người dân hưởng ứng dịch vụ tiêm chủng tại địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đôn đốc chỉ đạo tuyến dưới.

2. Hội nghị, tập huấn

Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn về tiêm chủng an toàn, giám sát và xử trí kịp thời các trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ tham gia công tác tiêm chủng và kỹ năng truyền thông cho cộng tác viên, y tế thôn, buôn, y tế cơ sở...

3. Triển khai các hoạt động tiêm chủng

a) Tổ chức tiêm chủng thường xuyên hàng tháng

- Phạm vi thực hiện: Triển khai tại 184/184 xã, phường, thị trấn.
- Đối tượng:
 - + Trẻ dưới 1 tuổi: Tiêm vắc xin viêm gan B trong vòng 24 giờ sau sinh tại các cơ sở y tế có sinh; Tiêm 8 loại vắc xin gây miễn dịch cơ bản;
 - + Trẻ từ 18 tháng tuổi: Tiêm vắc xin Sởi/Rubella, vắc xin Bạch hầu, Ho gà, uốn ván (DPT mũi 4);
 - + Trẻ từ 1-5 tuổi: Tiêm vắc xin viêm não Nhật bản B mũi 1, 2 và mũi 3;
 - + Phụ nữ tuổi sinh đẻ (15 tuổi) và phụ nữ có thai: Tiêm vắc xin phòng bệnh uốn ván.
- Thời gian tổ chức tiêm: Đảm bảo thống nhất thời gian triển khai trên địa bàn toàn tỉnh.
- Địa điểm tiêm chủng: Tại các cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định của Bộ Y tế.

b) Bảo vệ thành quả thanh toán bệnh bại liệt

- Thực hiện giám sát tích cực bệnh liệt mềm cấp tính tại tất cả các tuyến từ tỉnh đến huyện, xã và cộng đồng. Đảm bảo 100% các ca liệt mềm cấp được điều tra, lấy mẫu bệnh phẩm theo quy định nhằm phát hiện sớm vi rút bại liệt hoang dại.
- Duy trì tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi uống đủ 3 liều vắc xin bại liệt trong tiêm chủng thường xuyên;
- Duy trì tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng vắc xin bại liệt (IPV) đạt trên 90%, tổ chức đánh giá định kỳ tiến độ thực hiện tiêm chủng và đề xuất các biện pháp khắc phục.
- Đạt tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi uống bổ sung vắc xin bOPV 2 vòng trong năm tại vùng nguy cơ cao;

c) Các hoạt động duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh (UVSS)

- Đảm bảo duy trì tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ. Tăng cường truyền thông về bệnh UVSS và tiêm vắc xin cho phụ nữ có thai để phòng bệnh UVSS.
- Tăng cường giám sát tích cực các trường hợp chết sơ sinh, UVSS tại tất cả các tuyến, giao chỉ tiêu giám sát cho tuyến huyện
- Chủ động triển khai các hoạt động đáp ứng khi có trường hợp UVSS: Triển khai tiêm vắc xin phòng uốn ván cho phụ nữ tuổi sinh đẻ (15 - 35 tuổi) tại xã. Tăng cường công tác khám thai và quản lý thai nghén.
- Duy trì tỷ lệ UV2(+) cho PNCT; lưu ý tại các vùng khó khăn của huyện, xã; đánh giá định kỳ tiến độ tiêm chủng và biện pháp khắc phục..
- Rà soát và tổ chức triển khai tiêm vét tại vùng có tỷ lệ thấp, vùng nguy cơ cao về xảy ra UVSS.

d) Các hoạt động tiến tới loại trừ bệnh sởi

- Đẩy mạnh tiêm vắc xin sởi mũi 1 cho trẻ 9 tháng tuổi và vắc xin sởi - rubella cho trẻ 18 tháng đạt $\geq 94\%$ trên địa bàn toàn tỉnh.

- Thực hiện giám sát, phát hiện các trường hợp sốt phát ban nghi Sởi, Rubella, tiến hành điều tra, lấy mẫu xét nghiệm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng chống và loại trừ bệnh sởi.

e) củng cố, tăng cường các hoạt động thống kê, báo cáo

- Rà soát, thống nhất các biểu mẫu, sổ sách số liệu báo cáo trong tiêm chủng mở rộng từ tỉnh đến huyện, xã. Hướng dẫn, hỗ trợ phân tích số liệu thống kê tiêm chủng đối với tuyến dưới.

- Cập nhật số liệu tiêm chủng, vắc xin trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia theo đúng quy định.

4. Kiểm tra, giám sát hỗ trợ

a) Giám sát công tác tiêm chủng thường xuyên tại tuyến huyện, xã

- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các tuyến (tỉnh, huyện, xã các điểm tiêm chủng).

- Nội dung kiểm tra giám sát: Công tác chỉ đạo điều hành, công tác xây dựng kế hoạch, công tác quản lý và bảo quản vắc xin, tỷ lệ và tiến độ tiêm chủng thường xuyên tại các tuyến; Giám sát buổi tiêm chủng, thực hành tiêm chủng, các nội dung đảm bảo an toàn tiêm chủng, hoạt động truyền thông, công tác quản lý sổ sách, thống kê, báo cáo; Giám sát, điều tra, các bệnh truyền nhiễm thuộc tiêm chủng mở rộng (Điều tra giám sát và lấy mẫu bệnh phẩm các trường hợp nghi mắc bệnh, đặc biệt là đối tượng <15 tuổi mắc các bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng mở rộng).

b) Giám sát phản ứng sau tiêm chủng

Khi có trường hợp tai biến nặng xảy ra sau tiêm chủng, khẩn trương tổ chức điều tra giám sát, báo cáo và tổ chức họp Hội đồng tư vấn chuyên môn đánh giá tai biến sau tiêm chủng của tỉnh để phối hợp đánh giá nguyên nhân và kịp thời giải quyết.

5. Truyền thông, tuyên truyền

- Tăng cường các hoạt động truyền thông về lợi ích của tiêm chủng bằng các hình thức phù hợp như: Trực tiếp tại cộng đồng, hệ thống phát thanh, truyền hình các cấp (huyện, xã) ...Tập trung vào các đối tượng như: Cán bộ chính quyền địa phương, người có uy tín, hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa...

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng tài liệu, thông điệp truyền thông về hoạt động tiêm chủng tuyên truyền bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc (Ê đê, M' nong...) phát trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phát sóng các chuyên đề về tiêm chủng (an toàn tiêm chủng; phản ứng sau tiêm chủng, phổ biến lịch tiêm chủng cho trẻ em và phụ nữ; hướng dẫn các bà mẹ theo dõi trẻ sau tiêm chủng) trên các kênh truyền hình tại địa phương.

- Truyền thông về tác hại của các bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng; lợi ích của tiêm chủng và an toàn khi sử dụng vắc xin để phục vụ hoạt động tuyên truyền tại

cộng đồng nhằm tuyên truyền cho người dân hiểu được lợi ích của tiêm chủng, hưởng ứng dịch vụ tiêm chủng tại các cơ sở y tế.

- Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng: Tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp, thăm hộ gia đình, tư vấn, nhắc nhở lịch tiêm chủng nhằm duy trì tỷ lệ bao phủ tiêm chủng thông qua mạng lưới y tế thôn buôn và công tác viên: ít nhất 2 lần trở lên/tháng. Xây dựng và phát triển mô hình truyền thông có hiệu quả tại cộng đồng phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tiễn địa phương. Tổ chức mô hình truyền thông trọng điểm đối với vùng sâu, vùng xa, vùng khó tiếp cận với dịch vụ y tế, người dân chưa hiểu về lợi ích của tiêm chủng, không hưởng ứng dịch vụ tiêm chủng

- Định kỳ hàng năm tổ chức giám sát, đánh giá hiệu quả việc triển khai các hoạt động truyền thông về tiêm chủng ở tất cả các tuyến.

6. Cung ứng vắc xin, vật tư

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự trù vắc xin, bơm kim tiêm gửi Viện Vệ sinh Dịch tễ để đảm bảo số lượng vắc xin, bơm kim tiêm cho triển khai tiêm chủng thường xuyên và chiến dịch.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo quản vắc xin tại các tuyến đảm bảo chất lượng vắc xin và hiệu quả sử dụng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát vận chuyển cung ứng vắc xin từ tỉnh xuống huyện; huyện xuống xã và các điểm tiêm chủng đảm bảo cung ứng kịp thời, tránh hiện tượng thiếu vắc xin và vật tư.

- Cung cấp đầy đủ sổ, biểu mẫu, vật tư như bông, cồn... phục vụ tiêm chủng thường xuyên, tiêm chủng chiến dịch tại các cơ sở tiêm chủng trên địa bàn tỉnh.

7. Thực hiện an toàn tiêm chủng

- Tăng cường thực hiện công tác an toàn trong tiêm chủng theo các quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Đẩy mạnh truyền thông về tác dụng, lợi ích, đối tượng, lịch tiêm chủng, những phản ứng có thể xảy ra khi tiêm chủng và cách theo dõi, chăm sóc người được tiêm chủng, khuyến cáo người dân tích cực tham gia tiêm chủng phòng bệnh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ trong quá trình triển khai hoạt động tiêm chủng tại các địa phương. Đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật có liên quan tại các cơ sở tiêm chủng và công tác an toàn tiêm chủng.

- Đẩy mạnh việc áp dụng Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia tại các cơ sở thực hiện tiêm chủng trên địa bàn tỉnh, kể cả các cơ sở tiêm chủng dịch vụ và cơ sở y tế có phòng sinh. Quản lý chặt chẽ đối tượng tiêm chủng đảm bảo 100% trẻ sinh ra được quản lý trên hệ thống; định kỳ rà soát, sàng lọc tránh hiện tượng trùng lặp các đối tượng;

- Duy trì ổn định hệ thống dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin tại tất cả các tuyến (tỉnh, huyện, xã). Đảm bảo an toàn trong vận chuyển, bảo quản vắc xin, theo dõi nhiệt độ theo quy định, sắp xếp vắc xin đúng vị trí, thường xuyên kiểm tra các vắc xin đang bảo quản để phát hiện và xử lý kịp thời sự cố (nếu có) trong quá trình bảo quản vắc xin;

- Tăng cường giám sát trường hợp bệnh trong tiêm chủng mở rộng.

- Thực hiện có hiệu quả các Chiến dịch: Tiêm vắc xin Bạch hầu - Uốn ván (Td) cho trẻ 7 tuổi; uống vắc xin bại liệt (bOPV) cho trẻ < 5 tuổi ở các vùng nguy cơ cao; tiêm vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế trên địa bàn toàn tỉnh.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tập huấn

a) Nội dung triển khai

- Thực hành an toàn tiêm chủng theo Nghị định số 104/2016/NĐ-CP của Chính phủ, các Thông tư, Quyết định về TCMR của Bộ Y tế cho cán bộ tham gia tiêm chủng.

- Hướng dẫn: Giám sát hỗ trợ và giám sát ca bệnh trong tiêm chủng. Thống kê báo cáo và lưu trữ hồ sơ; Quản lý đối tượng trong tiêm chủng; Bảo quản và quản lý vắc xin, vật tư tiêm chủng bằng phần mềm. Giám sát phản ứng sau tiêm chủng.

- Nâng cao kỹ năng truyền thông về tiêm chủng cho cán bộ y tế cơ sở.

- Đánh giá thực trạng, thảo luận và khắc phục khó khăn trong quá trình triển khai phần mềm Quản lý thông tin TCMR quốc gia tại các Trung tâm Y tế huyện, Trạm Y tế xã, điểm tiêm chủng dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các chiến dịch tiêm chủng trong năm.

b) Số lớp dự kiến

- 03 lớp tại tỉnh, thời gian dự kiến: từ tháng 7 - 10/2020.

- 15 lớp tại huyện: Phối hợp trong các buổi giao ban xã hàng tháng của huyện; các lớp được hỗ trợ từ dự án (nếu có).

2. Giám sát hỗ trợ

- Nội dung: Phần mềm Quản lý thông tin Tiêm chủng mở rộng quốc gia; triển khai các chiến dịch trong năm; các kỹ năng: thống kê báo cáo, quản lý đối tượng trong Tiêm chủng mở rộng.

- Giám sát 30 xã thuộc 15 huyện (2 xã /huyện).

3. Giám sát ca bệnh

- Phân công cán bộ tuyến tỉnh, huyện/thị xã/thành phố giám sát thường xuyên và giám sát tích cực tại các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, Trung tâm Y tế 2 chức năng của tuyến huyện (Khoa Nhiễm, Nhi, Cấp cứu lưu, Phòng khám), Trạm y tế xã/phường/thị trấn để phát hiện các ca bệnh giám sát trong TCMR (Liệt mềm cấp, UVSS, CSS, Sởi/Sốt phát ban nghi sởi, bạch hầu, ho gà, VNNB).

- Tất cả các bệnh thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng đều được giám sát và báo cáo bằng danh sách và lập phiếu điều tra theo mẫu qui định, lấy mẫu xét nghiệm đối với bệnh có chỉ định (mẫu phân/Liệt mềm cấp, huyết thanh/Sởi...).

- Phản hồi cho tuyến cơ sở và tổ chức điều tra khi có ca bệnh.

- Tìm kiếm tích cực: 4 lượt

4. Truyền thông

- Tập huấn kỹ năng truyền thông về tiêm chủng cho y tế thôn buôn.

- In tờ rơi, áp phích cấp phát đến tuyến huyện, xã: nội dung giới thiệu các bệnh trong tiêm chủng mở rộng, tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ và thực hiện để sạch.

- Tuyên truyền về tiêm chủng trên hệ thống đài phát thanh-truyền hình huyện/thị xã/thành phố; đài truyền thanh cơ sở của các xã/phường/thị trấn

5. Đánh giá thực trạng, tiến độ về tiêm chủng toàn tỉnh

- Thông qua các đợt giám sát; hỗ trợ, kiểm tra thực tế để phân tích, đánh giá thực trạng tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian dự kiến: hoàn thành trong tháng 10 năm 2020.

6. Triển khai tiêm chủng chiến dịch, tiêm chủng bổ sung:

a) Chiến dịch tiêm vắc xin Bạch hầu-Uốn ván (Td) cho trẻ 7 tuổi:

- Mục tiêu: đạt tỷ lệ >90% trẻ 7 tuổi trên địa bàn toàn tỉnh được tiêm 01 mũi vắc xin Td trong Chiến dịch

- Địa điểm triển khai: Các huyện, thị xã, thành phố

- Thời gian dự kiến: Quý III - IV năm 2020.

b) Chiến dịch uống bổ sung vắc xin bại liệt (bOPV) cho trẻ < 5 tuổi vùng nguy cơ cao:

- Mục tiêu: đạt tỷ lệ >95% trẻ <5 tuổi được uống vắc xin bOPV trong 02 vòng cách nhau 1 tháng trong chiến dịch.

- Địa điểm triển khai: 33 xã thuộc các huyện Lắk, M'Đrăk, Ea Kar và thị xã Buôn Hồ.

- Thời gian dự kiến: Quý III - IV năm 2020.

7. Hoạt động nâng cao tỷ lệ tiêm chủng huyện khó khăn

- Nội dung 1: Tập huấn lập kế hoạch và cập nhật các qui định mới về tiêm chủng cho cán bộ tuyến huyện, xã.

- Nội dung 2: Giao ban phổ biến kế hoạch triển khai và nội dung truyền thông với y tế thôn buôn, cập nhật tình hình triển khai và những vấn đề còn tồn tại

- Nội dung 3: Giám sát hỗ trợ hoạt động tiêm chủng tại tuyến huyện, xã

- Địa điểm triển khai: Tại các xã thuộc 03 huyện: Cư M'Gar, Ea Kar và Krông Pắc (Do dự án Trung ương chọn hỗ trợ).

8. Triển khai tiêm chủng vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế

- Nhân viên y tế (gồm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động) làm việc tại các cơ sở y tế công lập và các cơ sở y tế khác được tiêm vắc xin cúm mùa.

- Thời gian dự kiến hoàn thành: trong Quý III năm 2020

9. Thông kê báo cáo

- Báo cáo tiêm chủng thường xuyên hàng tháng và nhập báo cáo theo phần mềm tiêm chủng mở rộng quốc gia.

- Tổng hợp, báo cáo quý, năm, đánh giá tiến độ, rút kinh nghiệm.

- Báo cáo hoạt động giám sát bệnh; phản hồi kết quả giám sát và tiến độ tiêm chủng hàng quý cho tuyến cơ sở.

- Báo cáo kết quả thực hiện các Chiến dịch tiêm chủng.

10. Nhận, cấp vắc xin, vật tư tiêm chủng

- Nhận vắc xin, vật tư tiêm chủng mở rộng định kỳ (2 tháng/1 lần) hoặc đột xuất từ Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên theo nhu cầu;

- Cấp vắc xin (hàng tháng trước lịch tiêm chủng của huyện từ 3-5 ngày), bơm kim tiêm, hộp an toàn cho các tuyến (huyện, xã).

- Dự trữ vật tư thay thế, đảm bảo duy trì hoạt động hệ thống dây chuyền lạnh và phân phối cho các tuyến (huyện, xã).

(Nhu cầu vắc xin, vật tư tiêm chủng mở rộng năm 2020 chi tiết tại phụ lục 5)

V. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: 2.109.390.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí Trung ương: 390.000.000 đồng

- Kinh phí địa phương chi thực hiện: 1.719.390.000 đồng (Ngân sách tỉnh: 116.100.000 đồng, ngân sách huyện/thị xã/thành phố: 1.603.290.000 đồng).

Cụ thể:

1. Hoạt động tiêm chủng thường xuyên: 1.295.640.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách TW bổ sung có mục tiêu năm 2020 (CTMT Y tế - Dân số): 380.000.000 đồng

- Ngân sách tỉnh: 80.400.000 đồng;

- Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ: 835.240.000 đồng.

2. Kinh phí chiến dịch tiêm Vắc xin bạch hầu – uốn ván (td) tỉnh Đắk Lắk năm 2020 số tiền: 594.300.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách TW bổ sung có mục tiêu năm 2020 (CTMT Y tế - Dân số): 10.000.000 đồng;

- Ngân sách tỉnh: 21.700.000 đồng;

- Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ: 562.600.000 đồng.

3. Kinh phí chiến dịch uống bổ sung Vắc xin bại liệt (bOPV) tỉnh Đắk Lắk năm 2020 số tiền: 219.450.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 14.000.000 đồng;

- Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ: 205.450.000 đồng.

(Chi tiết về nhu cầu kinh phí tại các phụ lục 2, 3, 4 đính kèm)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai kế hoạch, bố trí đầy đủ nhân lực, trang thiết bị cho hoạt động tiêm chủng thường xuyên và tiêm chủng chiến dịch.

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và các đơn vị y tế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả và chỉ tiêu đề ra; kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

- Đảm bảo các biện pháp thực hiện cấp cứu và xử trí các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng.

2. Sở Giáo dục và đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh kiểm tra thông tin về tình trạng tiêm chủng của trẻ trước khi nhập học, nhắc nhở tiêm chủng bù nếu trẻ chưa được tiêm chủng đầy đủ. Tăng cường tuyên truyền về lợi ích tiêm chủng cho đối tượng học sinh.

- Phối hợp với ngành y tế trong quá trình triển khai công tác tiêm chủng mở rộng thường xuyên và các chiến dịch tiêm chủng.

- Phối hợp điều tra, lập danh sách học sinh trong diện tiêm chủng chiến dịch, tránh bỏ sót đối tượng, đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

3. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hàng năm cho hoạt động tiêm chủng mở rộng phù hợp và theo quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị liên quan trong việc sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng qui định.

4. Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị Biên phòng tích cực hỗ trợ hoạt động tiêm chủng để đạt hiệu quả cao.

- Phối hợp với y tế địa phương, tăng cường truyền thông giáo dục, vận động người dân hưởng ứng tiêm chủng; hỗ trợ điều tra, lập danh sách đối tượng trong diện tiêm chủng trên địa bàn quản lý; tổ chức phối hợp kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về tiêm chủng phòng bệnh;

- Phối hợp với ngành y tế kịp thời thông tin về lợi ích và hiệu quả của việc tiêm chủng nhằm khuyến khích, hướng dẫn người dân tích cực tham gia tiêm chủng, bảo vệ bản thân và cộng đồng, phòng chống dịch bệnh.

Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đại chúng trên địa bàn tăng thời lượng phát sóng, tin bài tuyên truyền về lợi ích tiêm chủng.

6. Các ban, ngành, đoàn thể, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên

Tổ chức tuyên truyền cho cán bộ, nhân viên trong ngành biết về lợi ích, hiệu quả của tiêm chủng, bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng.

7. Ủy ban nhân dân các huyện/thị xã/thành phố

- Tăng cường chỉ đạo triển khai công tác tiêm chủng trên địa bàn. Khắc phục những khó khăn, tồn tại trong hoạt động tiêm chủng phòng bệnh;

- Chủ động đầu tư, hỗ trợ nguồn lực cho công tác tiêm chủng mở rộng trên địa bàn, nhằm nâng cao tỷ lệ tiêm chủng của người dân.

- Cung cấp kịp thời thông tin về tiêm chủng, không để tình trạng đưa tin thiếu chính xác, không đầy đủ, tạo dư luận không tốt trong cộng đồng, ảnh hưởng tiêu cực đến việc tham gia tiêm chủng của người dân.

- Phối hợp với ngành y tế tăng cường tuyên truyền về nguy cơ mắc bệnh nếu không tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch; trách nhiệm của cha mẹ trong việc đăng ký và đưa trẻ đi tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch theo quy định.

- Chỉ đạo UBND xã/phường/thị trấn xây dựng kế hoạch cụ thể của địa phương, tổ chức triển khai thực hiện;

- Bố trí kinh phí hỗ trợ cho hoạt động tại các đơn vị, địa phương để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu dự án;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động triển khai thực hiện tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn quản lý. / *[Signature]*

Nơi nhận: *[Signature]*

- Bộ Y tế (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Viện VSDT Trung ương;
- Viện VSDT Tây Nguyên;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, GDĐT, TC, TT&TT;
- BCH BĐBP tỉnh;
- Hội LHPN, Đoàn thanh niên;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, KGVX (Th.07b)


**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



H'Yim Kđoh

Phụ lục 1:
(Đính kèm Kế hoạch số: **5675/KH-UBND** ngày **02/7/2020** của UBND tỉnh Đắk Lắk)
DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2020

| TT | Tên đơn vị | Tổng số xã/NT | Số xã đặc biệt khó khăn | Số thôn, buôn | Dân số | Số trẻ < 1 tuổi | | Phụ nữ có thai | | Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (1-5 tuổi) | | | | Đối tượng 18 tháng tiêm Sởi-Rubella và DPT4 | |
|------------------|-------------------|---------------|-------------------------|---------------|------------------|-----------------|------------------------------|----------------|------------------------------|--|------------------------------|-------------------|------------------------------|---|------------------------------|
| | | | | | | Số trẻ < 1 tuổi | Số đối tượng vùng khó khăn * | Số PNCT | Số đối tượng vùng khó khăn * | Số trẻ tiêm mũi 2 | Số đối tượng vùng khó khăn * | Số trẻ tiêm mũi 3 | Số đối tượng vùng khó khăn * | Số trẻ 18 tháng | Số đối tượng vùng khó khăn * |
| 1 | TP. Buôn Ma Thuột | 21 | 0 | 248 | 370,320 | 6,127 | 0 | 6,135 | 0 | 6,218 | 0 | 6,295 | 0 | 6,232 | 0 |
| 2 | H. Lắk | 11 | 8 | 124 | 69,885 | 1,676 | 1,088 | 1,676 | 1,108 | 1,656 | 1,148 | 1,580 | 1,125 | 1,685 | 1,115 |
| 3 | H. Krông Bông | 14 | 6 | 140 | 99,705 | 1,907 | 845 | 1,907 | 845 | 2,001 | 841 | 1,814 | 843 | 1,857 | 842 |
| 4 | H. Krông Buk | 7 | 1 | 106 | 66,524 | 1,185 | 68 | 1,194 | 69 | 1,228 | 68 | 1,217 | 68 | 1,208 | 65 |
| 5 | H. Ea H'leo | 12 | 1 | 197 | 136,880 | 2,831 | 126 | 2,831 | 126 | 2,794 | 128 | 2,588 | 116 | 2,847 | 125 |
| 6 | H. Krông Pắc | 16 | 3 | 284 | 227,523 | 3,592 | 508 | 3,600 | 518 | 3,505 | 512 | 3,488 | 524 | 3,507 | 529 |
| 7 | H. Krông Ana | 8 | 0 | 74 | 89,854 | 1,524 | 0 | 1,530 | 0 | 1,549 | 0 | 1,439 | 0 | 1,544 | 0 |
| 8 | H. Cư M'gar | 17 | 0 | 189 | 185,319 | 3,521 | 0 | 3,525 | 0 | 3,579 | 0 | 3,528 | 0 | 3,499 | 0 |
| 9 | H. Ea Súp | 10 | 7 | 146 | 70,724 | 1,349 | 891 | 1,349 | 895 | 1,412 | 883 | 1,325 | 883 | 1,342 | 885 |
| 10 | H. M'Drắk | 13 | 11 | 173 | 72,153 | 1,482 | 1,347 | 1,482 | 1,359 | 1,485 | 1,247 | 1,232 | 1,247 | 1,371 | 1,255 |
| 11 | H. Krông Năng * | 13 | 1 | 203 | 134,791 | 2,623 | 176 | 2,635 | 179 | 2,752 | 175 | 2,717 | 175 | 2,563 | 170 |
| 12 | H. Ea Kar | 16 | 5 | 238 | 164,283 | 2,598 | 636 | 2,610 | 636 | 2,604 | 630 | 2,456 | 630 | 2,678 | 636 |
| 13 | H. Buôn Đôn | 7 | 3 | 99 | 68,414 | 1,295 | 422 | 1,300 | 422 | 1,249 | 420 | 1,236 | 420 | 1,257 | 422 |
| 14 | H. Cư Kuin | 8 | 0 | 113 | 107,162 | 1,864 | 0 | 1,869 | 0 | 1,827 | 0 | 1,772 | 0 | 1,845 | 0 |
| 15 | TX Buôn Hồ | 12 | 0 | 149 | 107,933 | 1,925 | 0 | 1,935 | 0 | 1,939 | 0 | 1,939 | 0 | 1,915 | 0 |
| TỔNG CỘNG | | 185 | 46 | 2,483 | 1,971,470 | 35,499 | 6,107 | 35,578 | 6,157 | 35,798 | 6,052 | 34,626 | 6,051 | 35,350 | 6,044 |

* Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 Của Thủ tướng Chính phủ Vv Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2017-2020. 

Phụ lục 2
NHU CẦU KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG TIÊM CHỦNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2020
 (Đính kèm Kế hoạch số: **5675/KH-UBND** ngày **02/7/2020** của UBND tỉnh Đắk Lắk)

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

| TT | Đơn vị | Tổng cộng (1,000 đồng) | Hội nghị, hội thảo, tập huấn TCMR | Kiểm tra giám sát, đánh giá chuyên môn hoạt động TCMR | Giám sát ca bệnh trong TCMR | Vận chuyển vắc xin, vật tư TCMR | Vật tư tiêu hao, dụng cụ, trang thiết bị, phục vụ TCMR | Hỗ trợ mũi tiêm tại xã | Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tủ lạnh bảo quản vắc xin | Thù lao cho cán bộ chuyên trách TCMR |
|-----------|--|---------------------------|-----------------------------------|---|-----------------------------|---------------------------------|--|------------------------|---|--------------------------------------|
| <i>a</i> | <i>b</i> | <i>c</i> | <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> | <i>7</i> | <i>8</i> |
| I | Tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện | 1,295,640 | 71,300 | 297,000 | 40,000 | 65,300 | 119,800 | 623,840 | 55,000 | 23,400 |
| | Ngân sách TW cấp (CTMT Y tế - Dân số) | 380,000 | 40,000 | | 40,000 | 5,000 | 10,000 | 275,000 | 10,000 | |
| | Ngân sách tỉnh | 80,400 | | 75,000 | | | | | | 5,400 |
| | Ngân sách huyện hỗ trợ | 835,240 | 31,300 | 222,000 | | 60,300 | 109,800 | 348,840 | 45,000 | 18,000 |
| II | Phần chi tiết hoạt động | 1,295,640 | 71,300 | 297,000 | 40,000 | 65,300 | 119,800 | 623,840 | 55,000 | 23,400 |
| a | Hoạt động tuyến tỉnh | 185,400 | 40,000 | 75,000 | 40,000 | 5,000 | 10,000 | | 10,000 | 5,400 |
| b | Hoạt động tuyến huyện/xã | 1,110,240 | 1,300 | 222,000 | - | 60,300 | 109,800 | 623,840 | 45,000 | 18,000 |
| 1 | Buôn Ma Thuột | 163,760 | 2,780 | 25,200 | | 5,580 | 18,000 | 108,000 | 3,000 | 1,200 |
| 2 | Lắk | 57,860 | 1,980 | 13,200 | | 3,780 | 5,400 | 29,300 | 3,000 | 1,200 |
| 3 | Krông Bông | 65,140 | 2,220 | 16,800 | | 4,320 | 6,000 | 31,600 | 3,000 | 1,200 |
| 4 | Krông Búk | 42,860 | 1,660 | 8,400 | | 3,060 | 4,000 | 21,540 | 3,000 | 1,200 |

| TT | Đơn vị | Tổng cộng (1,000 đồng) | Hội nghị, hội thảo, tập huấn TCMR | Kiểm tra giám sát, đánh giá chuyên môn hoạt động TCMR | Giám sát ca bệnh trong TCMR | Vận chuyển vắc xin, vật tư TCMR | Vật tư tiêu hao, dụng cụ, trang thiết bị..phục vụ TCMR | Hỗ trợ mũi tiêm tại xã | Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tủ lạnh bảo quản vắc xin | Thù lao cho cán bộ chuyên trách TCMR |
|----|------------|---------------------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------------------|---|------------------------------|--|---|
| 5 | Ea H'leo | 83,320 | 2,060 | 14,400 | | 3,960 | 8,700 | 50,000 | 3,000 | 1,200 |
| 6 | Krông Pắc | 102,560 | 2,380 | 19,200 | | 4,680 | 10,500 | 61,600 | 3,000 | 1,200 |
| 7 | Krông Ana | 50,580 | 1,740 | 9,600 | | 3,240 | 5,000 | 26,800 | 3,000 | 1,200 |
| 8 | Cư M'gar | 106,820 | 2,460 | 20,400 | | 4,860 | 10,900 | 64,000 | 3,000 | 1,200 |
| 9 | Ea Súp | 50,500 | 1,900 | 12,000 | | 3,600 | 4,500 | 24,300 | 3,000 | 1,200 |
| 10 | M'Đrắk | 53,680 | 2,140 | 15,600 | | 4,140 | 4,200 | 23,400 | 3,000 | 1,200 |
| 11 | Krông Năng | 81,480 | 2,140 | 15,600 | | 4,140 | 8,300 | 47,100 | 3,000 | 1,200 |
| 12 | Ea Kar | 84,960 | 2,380 | 19,200 | | 4,680 | 8,100 | 46,400 | 3,000 | 1,200 |
| 13 | Buôn Đôn | 44,920 | 1,660 | 8,400 | | 3,060 | 4,400 | 23,200 | 3,000 | 1,200 |
| 14 | Cư Kuin | 56,880 | 1,740 | 9,600 | | 3,240 | 5,800 | 32,300 | 3,000 | 1,200 |
| 15 | TX Buôn Hồ | 64,920 | 2,060 | 14,400 | | 3,960 | 6,000 | 34,300 | 3,000 | 1,200 |

Phụ lục 3:
KINH PHÍ CHIẾN DỊCH TIÊM VẮC XIN BẠCH HẦU-UỐN VẮN (Td) - TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2020
 (Đính kèm Kế hoạch số: **5675**/KH-UBND ngày **02/7**/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

| TT | Đơn vị | Tổng kinh phí | Hỗ trợ cộng tác viên Lập danh sách, phát Giấy mời đối tượng TC, phục vụ buổi TC | Xăng xe vận chuyển vật tư, vắc xin trong các ngày chiến dịch | In giấy mời, phiếu khám sàng lọc phục vụ tiêm chủng chiến dịch | Công tiêm mũi vắc xin tại xã | Kiểm tra, giám sát triển khai chiến dịch | Vật tư tiêu hao, dụng cụ, trang thiết bị..phục vụ chiến dịch | Hỗ trợ trực chiến dịch, theo dõi phản ứng sau tiêm chủng, thống kê báo cáo | Tập huấn triển khai chiến dịch |
|-----------|--|----------------|---|--|--|------------------------------|--|--|--|--------------------------------|
| | | | <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> | <i>7</i> | <i>8</i> |
| I | Tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện | 594,300 | 55,500 | 44,500 | 41,900 | 84,100 | 164,000 | 113,600 | 85,000 | 5,700 |
| | Ngân sách TW cấp (CTMT Y tế - Dân số) | 10,000 | | | | | | | 10,000 | |
| | Ngân sách tỉnh | 21,700 | | | | | 16,000 | | | 5,700 |
| | Ngân sách huyện hỗ trợ | 562,600 | 55,500 | 44,500 | 41,900 | 84,100 | 148,000 | 113,600 | 75,000 | |
| II | Phân chi tiết hoạt động | 594,300 | 55,500 | 44,500 | 41,900 | 84,100 | 164,000 | 113,600 | 85,000 | 5,700 |
| a | Hoạt động tại tỉnh | 31,700 | - | - | - | - | 16,000 | - | 10,000 | 5,700 |
| b | Hoạt động tại các huyện/ xã | 562,600 | 55,500 | 44,500 | 41,900 | 84,100 | 148,000 | 113,600 | 75,000 | - |
| 1 | TP. Buôn Ma Thuột | 72,900 | 6,300 | 4,700 | 8,400 | 17,000 | 16,800 | 14,700 | 5,000 | - |
| 2 | Lắk | 30,600 | 3,300 | 2,700 | 1,500 | 3,000 | 8,800 | 6,300 | 5,000 | - |
| 3 | Krông Bông | 39,500 | 4,200 | 3,300 | 2,500 | 5,000 | 11,200 | 8,300 | 5,000 | - |
| 4 | Krông Búk | 22,700 | 2,100 | 1,900 | 1,300 | 2,600 | 5,600 | 4,200 | 5,000 | - |

| | | | | | | | | | | |
|----|------------|--------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|-------|---|
| 5 | Ea H'leo | 38,400 | 3,600 | 2,900 | 3,200 | 6,500 | 9,600 | 7,600 | 5,000 | - |
| 6 | Krông Pắc | 49,700 | 4,800 | 3,700 | 4,400 | 8,800 | 12,800 | 10,200 | 5,000 | - |
| 7 | Krông Ana | 26,000 | 2,400 | 2,100 | 1,700 | 3,500 | 6,400 | 4,900 | 5,000 | - |
| 8 | Cư M'gar | 49,500 | 5,100 | 3,900 | 3,800 | 7,700 | 13,600 | 10,400 | 5,000 | - |
| 9 | Ea Súp | 30,500 | 3,000 | 2,500 | 2,000 | 4,000 | 8,000 | 6,000 | 5,000 | - |
| 10 | M'Đrắk | 34,000 | 3,900 | 3,100 | 1,500 | 2,900 | 10,400 | 7,200 | 5,000 | - |
| 11 | Krông Năng | 39,100 | 3,900 | 3,100 | 2,900 | 5,800 | 10,400 | 8,000 | 5,000 | - |
| 12 | Ea Kar | 44,800 | 4,800 | 3,700 | 3,000 | 6,000 | 12,800 | 9,500 | 5,000 | - |
| 13 | Buôn Đôn | 24,300 | 2,100 | 1,900 | 1,800 | 3,500 | 5,600 | 4,400 | 5,000 | - |
| 14 | Cư Kuin | 25,700 | 2,400 | 2,100 | 1,700 | 3,300 | 6,400 | 4,800 | 5,000 | - |
| 15 | TX Buôn Hồ | 34,900 | 3,600 | 2,900 | 2,200 | 4,500 | 9,600 | 7,100 | 5,000 | - |

Phụ lục 4:
KINH PHÍ CHIẾN DỊCH UỐNG BỔ SUNG VẮC XIN BẠI LIỆT (bOPV) - TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2020
 (Đính kèm Kế hoạch số: **5675** /KH-UBND ngày **02** /**7**/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

| STT | Đơn vị | Tổng cộng | Hỗ trợ cán bộ y tế thôn, buôn điều tra, lập danh sách đối tượng tiêm chủng | Hỗ trợ cán bộ y tế thôn, buôn phục vụ trong các buổi tiêm chủng: phát giấy mời, gọi đối tượng, ghi danh sách trẻ đến tiêm | Kiểm tra, giám sát triển khai chiến dịch | Hỗ trợ mũi tiêm vắc xin tại xã | Hỗ trợ trực chiến dịch, theo dõi phản ứng sau tiêm chủng, thống kê báo cáo | In giấy mời, phiếu khám sàng lọc phục vụ tiêm chủng chiến dịch |
|-----------|--|----------------|--|---|--|--------------------------------|--|--|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| I | Tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện | 219,450 | 23,150 | 46,300 | 36,400 | 75,000 | 12,000 | 26,600 |
| | Ngân sách tỉnh | 14,000 | 0 | 0 | 10,000 | 0 | 4,000 | 0 |
| | Ngân sách huyện hỗ trợ | 205,450 | 23,150 | 46,300 | 26,400 | 75,000 | 8,000 | 26,600 |
| I | Hoạt động tại tỉnh | 14,000 | 0 | 0 | 10,000 | 0 | 4,000 | 0 |
| II | Hoạt động tại huyện/xã | 205,450 | 23,150 | 46,300 | 26,400 | 75,000 | 8,000 | 26,600 |
| 1 | Lắk | 48,350 | 5,150 | 10,300 | 6,400 | 18,000 | 2,000 | 6,500 |
| 2 | M'Đrắk | 41,800 | 5,700 | 11,400 | 6,400 | 12,000 | 2,000 | 4,300 |
| 3 | Ea Kar | 71,300 | 8,000 | 16,000 | 8,800 | 27,000 | 2,000 | 9,500 |
| 4 | TX Buôn Hồ | 44,000 | 4,300 | 8,600 | 4,800 | 18,000 | 2,000 | 6,300 |

Phụ lục 5.

Nhu cầu vắc xin, vật tư tiêm chủng mở rộng năm 2020

(Đính kèm Kế hoạch số: **5675** /KH-UBND ngày **02** /**7**/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

a) Vắc xin:

| STT | Loại vắc xin (liều) | Số lượng |
|-----|---|----------|
| 1 | Lao (BCG) | 85.000 |
| 2 | Viêm gan B | 29.800 |
| 3 | Vắc xin 5 trong 1 | 106.300 |
| 4 | Bại liệt uống (OPV) (*) (Chiến dịch: 80.800 liều) | 283.200 |
| 5 | Sởi | 67.500 |
| 6 | BH-HG-UV(DPT) | 79.200 |
| 7 | Viêm não Nhật Bản (ml) | 95.600 |
| 8 | Uốn ván (VAT) | 133.000 |
| 9 | Sởi-Rubella | 63.600 |
| 10 | Bại liệt tiêm (IPV) | 67.500 |
| 11 | Vắc xin Bạch hầu - Uốn ván (Td)(*) | 50.000 |
| 12 | Vắc xin Cúm mùa (*) | 7.000 |

(*) Tiêm chủng Chiến dịch

b) BKT, hộp an toàn (HAT):

| TT | Loại vắc xin | Số lượng (Cái) |
|----|--------------------------------|----------------|
| 1 | BKT BCG 0,1ml | 37.100 |
| 2 | BKT 0,5ml (*) (CD: 36.000 cái) | 517.800 |
| 3 | BKT 5 ml | 23.700 |
| 4 | Hộp an toàn (*) (CD:400 cái) | 6.400 |

c) Dây chuyền lạnh:

| TT | Loại | Yêu cầu bổ sung tủ lạnh bảo quản vắc xin (do tủ đã bị hỏng) |
|----|------------------|---|
| | Tủ lạnh tuyến xã | 55 cái |